

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TRĂNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 115/2022/DS-ST

Ngày: 12-10-2022

V/v: “*Tranh chấp về thừa kế tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRĂNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Tạ Kỳ Trung;

Bà Hà Thị Cẩm Tiên

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Hành là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trăng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trăng Bàng tham gia phiên tòa:
Ông Lý Trọng Đại- Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 và ngày 12 tháng 10 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trăng Bàng, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 139/2020/TLST-DS ngày 08 tháng 7 năm 2020 về việc “*Tranh chấp về thừa kế tài sản*”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 125/2022/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 9 năm 2022; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* ông Hồ Văn T, sinh năm 1962; cư trú tại: ấp TH, xã BB, huyện CM, tỉnh Đồng Nai, có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Hồ Văn Tr, sinh năm 1964; cư trú tại: khu phố AP, phường AT, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Bà Đỗ Hoàng L, sinh năm 1947; cư trú tại: Số nhà A88Bis, khu phố BĐ, phường BN, thành phố TA, tỉnh Bình Dương, có mặt.

Bà Bùi Thị X, sinh năm 1942;

Bà Đỗ Thị H, sinh năm 1973;

Ông Đỗ Tấn V, sinh năm 1969;

Cùng cư trú tại: phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03-6-2020 và trong quá trình giải quyết vụ án - nguyên đơn ông Hồ Văn T trình bày:

Cha tên Đỗ Văn X đã chết năm 1966; mẹ tên Hồ Thị T1 đã chết năm 2009. Cha mẹ ông có tất cả 04 người con: 1. Đỗ Văn Q (đã chết năm 2005) có vợ Bùi Thị X. Ông Q và bà X có 02 người con gồm Đỗ Tấn V, Đỗ Thị H; 2. Đỗ Hoàng L; 3. Hồ Văn T; 4. Hồ Văn Tr. Ngoài ra cha mẹ ông không có con nuôi hay con riêng nào khác. Khi mẹ ông chết có để lại phần đất ngang 20m dài 40m tọa lạc tại khu phố An Phú, phường An Tịnh, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Nguồn gốc đất do ông ngoại cho mẹ ông ở từ trước năm 1975, còn chính xác khi nào thì ông không nhớ. Khi mẹ ông còn sống, ông có xây một căn nhà tường mái lợp tole cho mẹ ông ở. Sau khi mẹ ông chết đến khi ông và bà L yêu cầu giải quyết phần đất di sản của mẹ để lại thì ông Tr mới đòi căn nhà cũ của mẹ ông sang một bên đất tranh chấp dựng lại. Ông yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Hồ Thị T1 phần đất ngang 20m dài 40m (đo đạc thực tế diện tích 968,3m²) tại thửa 283, 288, tờ bản đồ số 36 (BĐ 2005), tọa lạc tại khu phố An Phú, phường An Tịnh, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh thành 04 phần bằng nhau, ông yêu cầu được hưởng 01 phần.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Hồ Văn Tr trình bày: Ông xác nhận về họ tên cha mẹ và các anh em như ông T trình bày là đúng. Trước giải phóng thì ông ngoại ông có cho mẹ ông một phần đất cất nhà ở (ngang 10m dài khoảng 40m). Sự việc ông ngoại cho đất mẹ ông thì do mẹ ông kể lại cho ông nghe. Mẹ ông cất nhà ở trên đất này đến khi chiến tranh loạn lạc thì có trốn đi nơi khác ở. Sau giải phóng mẹ ông vẫn về trên nền nhà cũ cất nhà ở, lúc này ông vẫn sống với mẹ ông; còn anh chị đi nơi khác sống. Do mẹ ông phải chăm sóc con của bà L dẫn đến hoàn cảnh khó khăn. Vì vậy, ông mới cất nhà ở riêng trên đất của cậu Hồ Văn N vào năm 1984. Sau đó, đến năm 1994, ông mua được đất khác nên đến đất mua cất nhà ở. Nhà cũ do thời gian lâu nên mục nát. Nhà của cụ T1 ở đến khi cụ T1 chết đã bị mục nát và sập. Hiện ông có cất nhà là nhà mới do ông cất, không phải nhà của cụ T1 dựng lại và ông cất trên phần đất ông được cụ Hồ Văn N (cậu của ông) cho. Ông chỉ thừa nhận di sản của cụ T1 để lại phần đất ngang 10m dài 40m nên đồng ý chia phần đất này và yêu cầu chia di sản thành 05 phần; phần ngang 10m dài 40m còn lại là của ông nên ông không đồng ý chia. Ông xác định phần đất tranh chấp là thửa 283, 288, tờ bản đồ số 36 (BĐ 2005), tọa lạc tại khu phố An Phú, phường An Tịnh, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Hoàng L trình bày: Bà thừa nhận lời trình bày của ông T là đúng. Bà yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Hồ Thị T1 phần đất ngang 20m dài 40m (đo đạc thực tế diện tích 968,3m²) tại thửa 283, 288, tờ bản đồ số 36 (BĐ 2005), tọa lạc tại khu phố An Phú, phường An Tịnh, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh thành 04 phần bằng nhau, bà yêu cầu được hưởng 01 phần.

Người có quyền nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị X trình bày: Bà là vợ của ông Đỗ Văn Q (con của cụ Hồ Thị T1). Bà biết phần đất tranh chấp có nguồn gốc do cụ T1 được cha mẹ chia cho. Trong trường Tòa án xác định phần đất này là di sản của cụ T1 thì bà yêu cầu được hưởng 01 phần.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị H trình bày: Chị là con của ông Q và bà X. Phần đất tranh chấp bà biết của cụ Hồ Thị T1 (bà nội của bà) được cha mẹ cho đất cất nhà ở. Khi cụ T1 còn sống có xây căn nhà trên đất tranh chấp. Sau khi cụ T1 chết thì bà không biết căn nhà của cụ T1 có còn hay không. Trong trường hợp Tòa án xác định phần đất này là di sản của cụ T1 thì bà yêu cầu được hưởng 01 phần cùng với bà X.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Tấn V trình bày: Ông là con của ông Q và bà X. Phần đất tranh chấp ông biết của cụ Hồ Thị T1 (bà nội của ông) được cha mẹ cho đất cất nhà ở. Trong trường hợp Tòa án xác định phần đất này là di sản của cụ T1 thì ông yêu cầu được hưởng 01 phần cùng với bà H, bà X.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:*

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Các đương sự đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 612, 613, 623, 649, 650, 561 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 203 Luật đất đai; Nghị quyết 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10-8-2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, bà L “Tranh chấp về thừa kế tài sản” đối với ông Hồ Văn Tr.

Chia thừa kế theo pháp luật đối với phần đất diện tích 968,3m² tại thửa 283, 288, tờ bản đồ số 36 (BĐ 2005), tọa lạc tại khu phố An Phú, phường An Tịnh, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh và tài sản gắn liền với đất cho cho ông T, bà L, ông Tr và chi của ông Q (bà H, ông V). Trong đó, chia cho ông Tr được hưởng 02 kỷ phần (01 kỷ phần công gìn giữ đất và 01 kỷ phần ông được hưởng thừa kế theo pháp luật).

Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị X, bà Đỗ Thị H, ông Đỗ Tấn V vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà X, bà H, ông V là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hàng thừa kế: Cụ Hồ Thị T1 đã chết năm 2009 có chồng là cụ Đỗ Văn X (chết năm 1966). Cụ X và cụ T1 có tất cả 04 người con: 1. Đỗ Văn Q (đã chết năm 2005, chết trước cụ T1) có vợ Bùi Thị X. Ông Q và bà X có 02 người con gồm Đỗ Tấn V, Đỗ Thị H; 2. Đỗ Hoàng L; 3. Hồ Văn T; 4. Hồ Văn Tr. Do đó, hàng thừa kế thứ nhất của cụ T1 gồm: thừa kế thế vị của ông Q là bà H, ông V; bà L; ông T và ông Tr theo quy định tại Điều 651 Bộ luật Dân sự.

[3] Về thời hiệu: Cụ T1 chết năm 2009, ông T khởi kiện yêu cầu chia thừa kế vào tháng 6 năm 2020 thì thời hiệu vẫn còn theo quy định tại Điều 623 Bộ luật dân sự.

[4] Di sản thừa kế: Ông T, bà L cho rằng phần đất diện tích ngang 20m dài 40m (đo đạc thực tế diện tích $968,3m^2$) tại thửa 283, 288, tờ bản đồ số 36 (BĐ 2005), tọa lạc tại khu phố An Phú, phường An Tịnh, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh là di sản do cụ Hồ Thị T1 để lại. Ông Tr chỉ thừa nhận $\frac{1}{2}$ diện tích ngang 20m dài 40m là di sản của cụ T1; $\frac{1}{2}$ diện tích còn lại là tài sản của ông được cụ Hồ Văn N cho.

[4.1] Xét lời trình bày của ông Tr thấy rằng: Phần đất tranh chấp có nguồn gốc là của cụ Hồ Văn C và cụ Nguyễn Thị Đ (cha mẹ của cụ Hồ Thị T1) đến thời điểm hiện nay phần đất tranh chấp chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ai. Qua xác minh chính quyền địa phương thể hiện cụ Hồ Thị T1 đã quản lý sử dụng phần đất tranh chấp từ năm 1935 cho đến khi chết. Trên phần đất tranh chấp có căn nhà của cụ Hồ Thị T1 (các đương sự đều thừa nhận).

Ông Tr cho rằng ông được cụ N cho 10m ngang dài 40 từ năm 1984 dựng nhà ở đến năm 1994 thì nhà bị sập và ông không còn sống trên phần đất tranh chấp nhưng vẫn quản lý sử dụng. Đến năm 2020, ông mới dựng căn nhà khác trên đất tranh chấp. Do đó, việc ông Tr cho rằng ông được cụ Hồ Văn N cho 10m ngang và dài 40m là không có căn cứ. Vì xác minh ông Hồ Thanh N1 (con của cụ Hồ Văn N) thể hiện phần đất tranh chấp cụ N không có kê khai đăng ký và cũng không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Mặt khác, cụ N không có quản lý sử dụng đối với phần đất tranh chấp. Phần đất tranh chấp đều do cụ T1 quản lý sử dụng liên tục từ trước giải phóng đến khi chết. Do đó có căn cứ xác định phần đất diện tích ngang 20m dài 40m (đo đạc thực tế diện tích $968,3m^2$) tại thửa 283, 288, tờ bản đồ số 36 (BĐ 2005), tọa lạc tại khu phố An Phú, phường An Tịnh, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh là di sản do cụ Hồ Thị T1 để lại. Do cụ T1 chết không để lại di chúc, căn cứ vào điều 649, 650, 651 Bộ luật Dân sự; thì phần đất diện tích $968,3m^2$ được chia theo quy định pháp luật. Hàng thừa kế thứ nhất của cụ T1 gồm có ông Đỗ Văn Q (đã chết) do đó con của ông Q được thừa kế thế vị; bà Đỗ Hoàng L, ông Hồ Văn T và ông Hồ Văn Tr. Tuy nhiên, sau khi cụ T1 chết, hiện nay chỉ có ông Tr đang quản lý, gìn giữ di sản và ông yêu cầu khi chia di sản chia thành 05 phần, trong đó có 01 phần đất hương quả để thờ cúng cụ T1. Ngoài ra ông Tr có công gìn giữ, quản lý di sản, do đó, di sản của cụ T1 được chia làm 05 kỷ phần; trong đó, ông Tr được hưởng 02 kỷ phần; ông T, bà L được hưởng mỗi người 01 kỷ phần; các con của ông Q (bà H và ông V) được hưởng 01 kỷ phần; mỗi kỷ phần được hưởng tương đương diện tích $968,3m^2 : 5 = 193,2m^2$.

[4.2] Tại Công văn số 245/UBND về việc cung cấp thông tin về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vụ tranh chấp thừa kế tài sản giữa ông Hồ Văn T và ông Hồ Văn Tr phúc đáp Công văn số 114/TA của Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng: “Hiện phần đất diện tích 856,4m² thửa 283 và diện tích 111,9m² tại thửa 288, tờ bản đồ số 36 (BĐ 2005), tọa lạc tại khu phố An Phú, phường An Tịnh, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh không nằm trong dự án quy hoạch, dự án cầu thu hồi đất của thị xã Trảng Bàng và có thể xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nếu có đầy đủ hồ sơ xin cấp giấy theo quy định pháp luật”. Do đó, các đương sự được chia đất có quyền liên hệ đến Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Qua xem xét thẩm định tại chỗ phần đất tranh chấp diện tích 968,3m² (trong đó, 400m² loại đất ODT; 568,3m² loại đất CLN) tại thửa 283, 288, tờ bản đồ số 36 (BĐ 2005), tọa lạc tại khu phố An Phú, phường An Tịnh, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Tài sản trên đất gồm 01 căn nhà tạm do ông Tr xây dựng (hướng tây xây tường) các hướng còn lại dựng tole, nền đất diện tích 3,7m x 7,8m; 04 trụ xi măng; 01 cây mai và 01 cây mít. Tài sản trên đất do ông Tr trồng và ông Tr không yêu cầu giải quyết. Do đó, ghi nhận ông Tr không tranh chấp các tài sản trên đất.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận.

[7] Về án phí: Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Ông T, bà L được miễn án phí; ông Tr, bà H và ông V phải chịu án phí tương đương giá trị tài sản được chia theo biên bản định giá ngày 21 tháng 7 năm 2022 có giá là 2.065.000 đồng/m².

Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản là 6.000.000 đồng, các đương sự phải chịu là 1.500.000 đồng. Do ông T, bà L đã nộp nên ông Tr, bà H và ông V có nghĩa vụ trả lại cho ông T, bà L; cụ thể ông Tr trả lại số tiền 1.500.000 đồng cho ông T; bà H và ông V trả lại cho bà L số tiền 1.500.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 228, Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 612, 613, 623, 649, 650, 651 của Bộ luật Dân sự; Điều 203 Luật đất đai; Nghị quyết 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10-8-2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 12, 14, 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Văn T, bà Đỗ Hoàng L “tranh chấp về thừa kế tài sản” đối với ông Hồ Văn Tr.

1.1. Ông Hồ Văn T được chia phần đất diện tích 193,5m² (trong đó có 80m² loại đất ODT và 113,5m² loại đất CLN) trong thửa 288, tờ bản đồ số 36

(BĐ 2005), tọa lạc tại khu phố An Phú, phường An Tịnh, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Có tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp đường đất dài 4,1m;
- Hướng Tây giáp đất ông Khuê dài 5,8m;
- Hướng Nam giáp đất bà L được chia dài 39,43m;
- Hướng Bắc giáp đất bà H, ông V được chia dài 39,68m.

1.2. Bà Đỗ Hoàng L được chia phần đất diện tích 193,4m² (trong đó có 80m² loại đất ODT và 113,4m² loại đất CLN) tại thửa 288, tờ bản đồ số 36 (BĐ 2005), tọa lạc tại khu phố An Phú, phường An Tịnh, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Có tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp đường đất dài 4,1m;
- Hướng Tây giáp đất ông Khuê dài 5,8m;
- Hướng Nam giáp đất ông Tr (được chia) dài 39,26m;
- Hướng Bắc giáp đất ông T được chia dài 39,43m.

1.3. Ông Hồ Văn Tr được chia phần đất diện tích 388,2m² (trong đó có 80m² loại đất ODT và 308,2m² loại đất CLN) tại thửa 283, 288, tờ bản đồ số 36 (BĐ 2005), tọa lạc tại khu phố An Phú, phường An Tịnh, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Có tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp đường đất dài 8,2m;
- Hướng Tây giáp đất ông Khuê dài 6,52m + 0,48m + 5,16m + 2,15m;
- Hướng Nam giáp đất bà Hà dài 19,38m + 18,44m;
- Hướng Bắc giáp đất bà L được chia dài 39,26m.

1.4. Bà Đỗ Thị H, ông Đỗ Tấn V được chia phần đất diện tích 193,2m² (trong đó có 80m² loại đất ODT và 113,2m² loại đất CLN) tại thửa 288, tờ bản đồ số 36 (BĐ 2005), tọa lạc tại khu phố An Phú, phường An Tịnh, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Có tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp đường đất dài 4,1m;
- Hướng Tây giáp đất ông Khuê dài 5,8m;
- Hướng Nam giáp đất ông T (được chia) dài 39,68m;
- Hướng Bắc giáp đất ông Rân dài 39,99m.

Có sơ đồ kèm theo

1.5. Các đương sự được quyền liên hệ đến các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật đất đai.

2. Ghi nhận các đương sự không yêu cầu giải quyết tài sản trên đất gồm 01 căn nhà tạm (hướng tây xây tường) các hướng còn lại dựng tole, nền đất diện tích 3,7m x 7,8m; 04 trụ xi măng; 01 cây mai và 01 cây mít.

3. Về án phí:

Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Hồ Văn T. Hoàn lại cho ông T số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 1.250.000 (một triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng theo biên lai số 0018358 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng.

Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Đỗ Hoàng L.

Ông Hồ Văn Tr phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 36.049.000 (ba mươi sáu triệu không trăm bốn mươi chín nghìn) đồng.

Ông Đỗ Tấn V và bà Đỗ Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 19.948.000 (mười chín triệu chín trăm bốn mươi tám nghìn) đồng.

4. Chi phí xem xét, thẩm định và định giá tài sản:

Ông Hồ Văn T phải chịu 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng (ghi nhận đã nộp đủ).

Bà Đỗ Hoàng L phải chịu 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng (ghi nhận đã nộp đủ).

Ông Hồ Văn Tr có nghĩa vụ trả lại ông Hồ Văn T số tiền 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng.

Bà Đỗ Thị H và ông Đỗ Tấn V có nghĩa vụ trả lại bà Đỗ Hoàng L số tiền 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng.

5. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo đến Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Đối với đương sự vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết theo quy định pháp luật.

6. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND TX.Trảng Bàng;
- Chi cục THADS TX. Trảng Bàng;
- Lưu: án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Cẩm